

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ**  
**TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH LÂM ĐỒNG**

*(Kèm theo Quyết định số QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (04 TTHC)**

| STT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết                                | Địa điểm thực hiện                     | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|--|--|----------------|---|
| 1   | Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa tổ chức lựa chọn nhà đầu tư hoặc chưa lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh<br>Mã TTHC: 1.115143      | 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam và xúc tiến đầu tư. |
| 2   | Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế<br>Mã TTHC: 1.115144 | 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC.   |

| STT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết                         | Địa điểm thực hiện                     | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|---|--|----------------|---|
| 3   | Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC<br>Mã TTHC: 1.115146 | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC. |
| 4   | Thủ tục áp dụng biện pháp bảo đảm đầu tư<br>Mã TTHC: 1.115147  | 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC. |

### B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (19 TTHC)

| STT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện                     | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|---|--|----------------|---|
| 1   | Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh<br>Mã TTHC: 1.009645            | 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC. |
| 2   | Thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh<br>Mã TTHC: 1.009646 | - Các trường hợp:<br>+ Trường hợp 1: Điều chỉnh chung (Khoản 2 Điều 53 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP);<br>+ Trường hợp 2: Điều chỉnh trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư (Điều 57 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|--|--------------------|-------------|----------------|
|     |                        | <p>Nghị định số 96/2026/NĐ-CP);</p> <p>+ Trường hợp 3: Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản đảm bảo (Điều 58 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP);</p> <p>+ Trường hợp 4: Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư (Điều 59 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP);</p> <p>+ Trường hợp 5: Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế (Điều 60 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP);</p> <p>+ Trường hợp 6: Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư (Điều 61 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP);</p> <p>+ Trường hợp 7: Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp</p> |                    |             |                |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|--|--------------------|-------------|----------------|
|     |                        | <p>sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư (Điều 62 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>+ Trường hợp 8: Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài (Điều 63 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>+ Trường hợp 9: Điều chỉnh tiến độ thực hiện, thời hạn hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP hoặc nhà đầu tư có nhu cầu cập nhật thông tin về địa điểm thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp (Khoản 3 Điều 53 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP).</p> <p>- Đối với các trường hợp từ 1 đến 7: 17 ngày làm việc kể từ</p> |                    |             |                |

| STT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện                     | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|--|--|----------------|---|
|     |  | ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.<br>- Đối với các trường hợp 8: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.<br>- Đối với trường hợp 9: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. |  |                |   |
| 3   | Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh<br>Mã TTHC: 1.009642  | 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC. |
| 4   | Thủ tục điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh<br>Mã TTHC: 1.009644                          | 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC. |
| 5   | Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh<br>Mã TTHC: 1.009659                          | 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC. |
| 6   | Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế<br>Mã TTHC: 1.009748 | 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC. |

| STT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện                     | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý   |
|-----|--|--|--|----------------|--|
| 7   | <p>Thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế</p> <p>Mã TTHC: 1.009759</p> | <p>- Các trường hợp:</p> <p>+ Trường hợp 1: Điều chỉnh chung (Khoản 2 Điều 53 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP);</p> <p>+ Trường hợp 2: Điều chỉnh trong trường hợp nhà đầu tư chuyên nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư (Điều 57 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP);</p> <p>+ Trường hợp 3: Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyên nhượng dự án đầu tư là tài sản đảm bảo (Điều 58 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP);</p> <p>+ Trường hợp 4: Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư (Điều 59 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP);</p> <p>+ Trường hợp 5: Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế (Điều 60 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP);</p> <p>+ Trường hợp 6: Điều chỉnh</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | <p>- Luật đầu tư năm 2025;</p> <p>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC.</p> |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|--|--------------------|-------------|----------------|
|     |                        | <p>dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư (Điều 61 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP);</p> <p>+ Trường hợp 7: Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư (Điều 62 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>+ Trường hợp 8: Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài (Điều 63 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>+ Trường hợp 9: Điều chỉnh tiến độ thực hiện, thời hạn hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp quy định tại</p> |                    |             |                |

| STT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện                     | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|---|--|----------------|---|
|     |  | khoản 5 Điều 28 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP hoặc nhà đầu tư có nhu cầu cập nhật thông tin về địa điểm thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp (Khoản 3 Điều 53 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP.<br>- Đối với các trường hợp từ 1 đến 7: 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.<br>- Đối với các trường hợp 8: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.<br>- Đối với trường hợp 9: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. |  |                |   |
| 8   | Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế công nghệ cao, khu kinh tế<br>Mã TTHC: 1.009770 | 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC. |

| STT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện                     | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|---|--|----------------|---|
| 9   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt<br>Mã TTHC: 2.002725     | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC. |
| 10  | Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt<br>Mã TTHC: 2.002727 | 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC. |
| 11  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư<br>Mã TTHC: 1.009664                                  | - Đối với các trường hợp<br>+ Trường hợp 1: Đối với dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (Điều 39 Nghị định 96/2026/NĐ-CP)<br>+ Trường hợp 2: Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và nhà đầu tư đã trúng đấu giá, trúng thầu; dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật Đầu tư và thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP)<br>+ Trường hợp 3: Đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC. |

| STT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện                            | Phí, lệ phí           | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|---|---|-----------------------|--|
|     |   | <p>ký đầu tư nhưng nhà đầu tư có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Khoản 4 Điều 38 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP)</p> <p>+ Trường hợp 4: Đối với dự án thứ cấp trong khu đô thị, khu du lịch, khu sinh thái mà nhà đầu tư nhận chuyển nhượng có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Điều 103 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP)</p> <p>- Đối với trường hợp 1 và 4: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Đối với trường hợp 2 và 3: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> |   |                       |  |
| 12  | <p>Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</p> <p>Mã TTHC: 1.009647</p> | <p>- Đối với các trường hợp</p> <p>+ Trường hợp 1: Điều chỉnh dự án đầu tư liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tiến độ thực hiện, thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại khoản 5</p>  | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p> | <p>Không quy định</p> | <p>- Luật đầu tư năm 2025;<br/>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br/>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC.</p> |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|--|--------------------|-------------|----------------|
|     |                        | <p>Điều 28 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP hoặc nhà đầu tư có nhu cầu cập nhật thông tin về địa điểm thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp (Khoản 1 Điều 56 Nghị định số 96/2026/NĐCP): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>+ Trường hợp 2: Điều chỉnh dự án đầu tư không thuộc nội dung quy định tại khoản 1 Điều 56 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP (Khoản 2 Điều 56 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>+ Trường hợp 3: Điều chỉnh dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường</p> |                    |             |                |

| STT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện                     | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|--|--|----------------|---|
|     |  | hợp quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 63 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. |  |                |   |
| 13  | Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư<br>Mã TTHC: 1.009665                  | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC. |
| 14  | Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư<br>Mã TTHC: 1.009671  | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC. |
| 15  | Thủ tục góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp<br>Mã TTHC: 1.009729  | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC. |
| 16  | Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC<br>Mã TTHC: 1.009731          | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC. |
| 17  | Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC<br>Mã TTHC: 1.009736 | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC. |

| STT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện                     | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|--|--|----------------|---|
| 18  | Thủ tục thông báo về việc tự quyết định ngừng hoạt động dự án của nhà đầu tư<br>Mã TTHC: 1.009661    | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của nhà đầu tư | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC. |
| 19  | Thủ tục thông báo về việc tự quyết định chấm dứt hoạt động dự án của nhà đầu tư<br>Mã TTHC: 1.009662 | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của nhà đầu tư     | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không quy định | - Luật đầu tư năm 2025;<br>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 55/2026/TT-BTC. |

### C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (10 TTHC)

| STT | Tên TTHC bị bãi bỏ  | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC     |
|-----|---|--|
| 1   | Thủ tục điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt<br>Mã TTHC: 2.002726   | Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/5/2026 |
| 2   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư<br>Mã TTHC: 1.009756                                 | Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/5/2026 |
| 3   | Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư<br>Mã TTHC: 1.009760 | Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/5/2026 |
| 4   | Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đầu tư<br>Mã TTHC: 1.009774  | Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/5/2026 |
| 5   | Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư<br>Mã TTHC: 1.009773   | Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/5/2026 |

| <b>STT</b> | <b>Tên TTHC bị bãi bỏ</b>  | <b>Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC</b> |
|------------|--|---|
| 6          | Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài<br>Mã TTHC: 1.009775                       | Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/5/2026    |
| 7          | Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý<br>Mã TTHC: 1.009771 | Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/5/2026    |
| 8          | Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư<br>Mã TTHC: 1.009772   | Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/5/2026    |
| 9          | Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC<br>Mã TTHC: 1.009776  | Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/5/2026    |
| 10         | Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC<br>Mã TTHC: 1.009777   | Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/5/2026    |